

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18-7-2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Thiện.

2/ Bà Nguyễn Thị Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hà- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Cao Quốc Thuận- Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2023/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 78/2023/QĐST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2023 và quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân số 87/2023/QĐ-TĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992; *nơi cư trú:* Số A, đường số B, tổ C, thôn D, xã ĐH, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn*: Anh Lê Thành T, sinh năm 1987; *nơi đăng ký HKTT*: Số A1, đường số B1, thôn C1, xã NC, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; *nơi cư trú*: Đội A2- Nông trường B2; *địa chỉ*: Thôn C2, xã SK, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 11 năm 2022, các bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Lê Thành T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã NC, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn, do chung sống không hạnh phúc nên chị và anh T đã ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 145/2017/QĐST-HNGĐ ngày 17/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Sau đó chị và anh T quay trở lại chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 2020 tại UBND xã NC, huyện Đức Linh. Quá trình chung sống do tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm, anh T có lối sống ích kỷ nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Do chung sống không hạnh phúc nên chị và anh T đã ly thân từ ngày chị làm đơn khởi kiện ly hôn đến nay. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn lại được. Chị đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Thành T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung tên Lê Thành L, sinh ngày 27/10/2013 và Lê Nguyễn Bảo N, sinh ngày 30/5/2020. Khi ly hôn chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung. Yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/tháng/con (02 con = 3.000.000 đồng/tháng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị H khai: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn đối với anh T. Chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Yêu cầu anh T phải cấp

dưỡng nuôi con là 1.000.000đồng/tháng/con (02 con = 2.000.000 đồng/tháng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Tại biên bản xác minh lập ngày 07 tháng 3 năm 2023 có trong hồ sơ vụ án, thể hiện những thông tin như sau: Anh Lê Thành T, sinh năm 1987, có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại số A1, đường số B1, thôn C1, xã NC, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Anh T thường xuyên đi làm rẫy cao su, thỉnh thoảng một tháng mới về nhà 02 đến 03 lần. Anh T và chị H sau khi kết hôn chuyển về sinh sống tại thôn C1, xã NC. Quá trình chung sống giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Hiện tại chị H dẫn theo 02 con bỏ đi nơi khác sinh sống.

Tại biên bản làm việc lập ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận đối với Nông trường B2 có trong hồ sơ vụ án, thể hiện nội dung như sau: Anh Lê Thành T, sinh năm 1987, có hộ khẩu thường trú tại thôn C1, xã NC, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Anh T hiện đang làm tại Đội A2-Nông trường B2. Sau khi Nông trường B2 nhận được giấy mời của Tòa án đối với anh T thì lãnh đạo Nông trường gọi điện thoại mời anh T đến làm việc. Tuy nhiên, sau khi biết được làm việc với Tòa án về việc chị Nguyễn Thị H (vợ anh T) có đơn ly hôn thì anh T không hợp tác, tự ý bỏ về lại Đội A2 để làm việc.

Tòa án đã tiến hành tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng do bị đơn anh Lê Thành T không đến Tòa án nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về thẩm quyền giải quyết: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hôn nhân: Năm 2013, bà Nguyễn Thị H và ông Lê Thành T kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã NC, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 04 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nên đã ly hôn vào năm 2017. Sau đó, bà H và ông T quay trở lại chung sống với nhau và đăng ký kết hôn vào năm 2020 tại UBND xã NC. Quá trình chung sống giữa vợ chồng không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung. Nay bà H xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông T và có đơn khởi kiện ly hôn tại Tòa án là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

Về con chung: Bà H và ông T có 02 con tên Lê Thành L, sinh ngày 27/10/2013 và Lê Nguyễn Bảo N, sinh ngày 30/5/2020. Bà H yêu cầu được quyền nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung và yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đồng/tháng/02 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai về việc giao giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn anh Lê Thành T nhưng đương sự vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở để kết luận đây là quan hệ pháp luật ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và theo trích lục kết hôn số 470/TLKH-BS ngày 25/6/2020 của UBND xã NC, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Thấy rằng, hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lê Thành T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi anh chị chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn kéo dài, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp; vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Từ đó giữa vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Tòa án đã nhiều lần tổ chức các phiên hòa giải để cho vợ chồng anh chị được đoàn tụ, tiếp tục chung sống với nhau, tuy nhiên anh T vẫn không đến Tòa án để làm việc. Điều này chứng tỏ anh T cũng không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này. Hơn nữa, trong khoảng thời gian sống ly thân giữa anh chị không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H là phù hợp pháp luật.

[2.3] Về con chung: Chị H và anh T có 02 con tên Lê Thành L, sinh ngày 27/10/2013 và Lê Nguyễn Bảo N, sinh ngày 30/5/2020. Xét thấy, việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng thì cần căn cứ vào điều kiện của mỗi bên, cũng như quyền lợi về mọi mặt của các con. Chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con chung, nhận thấy chị H là người có phẩm chất đạo đức tốt, hơn nữa cháu Thành L có nguyện vọng được ở với mẹ; cháu Bảo N thì còn nhỏ. Hai cháu Thành L và Bảo N hiện đang ở cùng với chị H. Vì vậy, cần giao 02 con chung cho chị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp thực tế và đúng quy định của pháp luật.

Xét về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị H yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng/con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Xét thấy, tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình có quy định “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Anh T không thuộc trường hợp không phải cấp dưỡng nuôi con, do đó yêu cầu của chị H là có căn cứ. Anh T hiện có công việc ổn định, là công nhân của Nông trường B2. Do đó, mức yêu cầu cấp dưỡng của chị H là phù hợp với thực tế tại địa phương nên được chấp nhận. Thời điểm bắt đầu cấp dưỡng kể từ tháng 8/2023 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải xem xét.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H là người khởi kiện ly hôn nên chị phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo luật định, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Anh T phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[3] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, khoản 2 Điều 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử: **Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.**

1/ Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Lê Thành T.

2/ Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con tên Lê Thành L, sinh ngày 27/10/2013 và Lê Nguyễn Bảo N, sinh ngày 30/5/2020. Anh Lê Thành T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng/con (02 con = 2.000.000 đồng/tháng), thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 8/2023 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Hai cháu Thành L và Bảo N hiện đang ở cùng với chị H.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Chị H có quyền yêu cầu thi hành án ngay sau khi xét xử sơ thẩm đối với số tiền anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T có nghĩa vụ phải thi hành ngay số tiền mà Hội đồng xét xử buộc phải cấp dưỡng nuôi con theo đơn yêu cầu thi hành án của chị H.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải xem xét.

4/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012747 ngày 05/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Lê Thành T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (18/7/2023), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

-VKSND huyện Đức Linh;

-Chi cục THADS huyện Đức Linh;

-UBND xã NC;

-Các đương sự;

-Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Thuận

